TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS-ST
Ngày: 14-01-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoa.

Ông Đỗ Viết Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2020 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mai L, sinh năm 1959 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1976 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B 1, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B 1, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị Mai L trình bày:

Từ năm 2019, bà L có tham gia chơi 02 dây hụi do bà P làm đầu thảo. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ nhất: Hụi mở ngày 05/02/2019 (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/tháng, gồm 31 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L đóng được 21 kỳ hụi. Bà L chưa hốt hụi thì hụi bể. Bà P nợ bà L 21 phần hụi với số tiền 42.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: Hụi mở ngày 30/12/2019 (âm lịch), hụi 3.000.000 đồng/tháng, gồm 27 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L đóng được 10 kỳ hụi. Bà L cũng chưa hốt hụi thì hụi đã bể. Bà P nợ bà L 10 phần hụi với số tiền 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 24/8/2020 (âm lịch), bà P vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, không hẹn thời hạn trả, bà P có viết giấy tay. Tuy nhiên, từ khi vay đến nay bà P không trả khoản tiền lãi nào, còn nợ gốc thì chưa thanh toán. Bà L yêu cầu nhiều lần nhưng bà P không chịu trả.

Tổng cộng, tiền hụi và tiền vay bà P còn nợ bà L là 92.000.000 đồng. Bà L yêu cầu bà Lê Thị Kim P phải trả cho bà số tiền 92.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng, bị đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà P thừa nhận về quá trình vay tiền và chơi hụi giữa bà P với bà L. Bà P thừa nhận có vay của bà L số tiền 20.000.000 đồng như bà L trình bày, bà P không có trả lãi còn nợ gốc thì cũng chưa thanh toán. Riêng về 02 dây hụi thì dây hụi 2.000.000 đồng bà L đóng tiền hụi 21 kỳ với số tiền khoảng 25.000.000 đồng, dây hụi 3.000.000 đồng bà L đóng tiền 10 kỳ với số tiền khoảng 20.000.000 đồng, tổng cộng 02 dây hụi chỉ khoảng 45.000.000 đồng. Số tiền 72.000.000 đồng là bà L tính theo giá hụi mãn. Tuy nhiên, nay bà L tính thành tiền hụi 72.000.000 đồng bà P cũng đồng ý.

Bà P đồng ý cùng chồng bà P là ông Nguyễn Văn K trả số tiền còn nợ cho bà L. Bởi vì đây là việc làm ăn chung của vợ chồng bà P. Tuy nhiên, do hoàn cảnh vợ chồng bà P khó khăn nên không thể trả một lần số tiền này cho bà L mà xin trả dần số tiền 92.000.000 đồng bằng cách mỗi năm trả 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra, bà P không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn K trình bày:

Ông K thống nhất với lời trình bày của bà P về tiền hụi và tiền vay còn nợ bà L. Nay bà L khởi kiện, ông K đồng ý cùng bà P trả số tiền còn nợ 92.000.000 đồng cho bà L nhưng xin trả dần mỗi năm 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Ngoài ra, ông K không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bà P, ông K giữ nguyên ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông phát biểu về việc tuân theo tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà P và ông K liên đới trả cho bà L số tiền 92.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai L yêu cầu bà Lê Thị Kim P trả số tiền hụi và tiền vay còn nợ là 92.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà L đã cung cấp cho Tòa án 01 bản chính Biên nhận ngày 24/8/2020 và 02 Giấy hụi. Bà P thừa nhận chữ ký trên biên nhận và giấy hụi mà bà L cung cấp. Bà L và bà P thống nhất về thời gian cũng như nội dung 02 dây hụi, thống nhất về số tiền vay. Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền và góp hụi giữa các bên là có thật. Bà P thừa nhận còn nợ bà L số tiền 92.000.000 đồng. Do đó, bà L yêu cầu bà P trả số tiền 92.000.000 đồng là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[3] Về quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn K: Theo yêu cầu khởi kiện bà L chỉ yêu cầu bà P có nghĩa vụ trả tiền cho bà. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết bà P trình bày việc chơi hụi và vay tiền bà L là việc làm ăn của vợ chồng. Do đó, Tòa án xác định việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của ông K và đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông K thống nhất với lời trình bày của bà P và đồng ý cùng bà P trả tiền cho bà L. Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù giao dịch hụi và vay là do bà P xác lập và thực hiện nhưng giao dịch này nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên cần buộc ông K có trách nhiệm liên đới với bà P là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất: Bà L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Bà P và ông K yêu cầu được trả dần số nợ bằng cách trả mỗi năm 5.000.000 đồng nhưng không được bà L đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên tự thỏa thuận. Việc bà P, ông K chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của bên có quyền do đó không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà P và ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố dụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 , Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 288, 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 15, 16, 17, 18 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mai L.

Buộc bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Mai L số tiền 92.000.000 đồng *(Chín mươi hai triệu đồng)*, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí:

Bà Lê Thị Kim P và ông Nguyễn Văn K phải nộp 4.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Mai L là người cao tuổi đã được miễn nộp tạm ứng án phí nên không hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thơm